

TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI
 HĐTTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
 THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN SINH

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
1.	Vũ Hoàng Anh	Nữ	1/10/2000	CQL12301	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	65,0	Đạt	
2.	Nguyễn Tiến Chung	Nam	21/7/1984	CQL12302	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	74,2	Đạt	
3.	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	04/01/1990	CQL12303	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	74,8	Đạt	
4.	Phạm Ngọc Đạt	Nam	01/5/2000	CQL12304	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	59,0	Đạt	
5.	Nguyễn Việt Đoàn	Nam	30/4/1996	CQL12305	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	64,0	Đạt	
6.	Nguyễn Học Đông	Nam	26/4/1994	CQL12306	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	68,8	Đạt	
7.	Vũ Tiến Dũng	Nam	24/9/1994	CQL12307	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	76,2	Đạt	
8.	Hoàng Việt Dũng	Nam	18/2/1979	CQL12308	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	65,6	Đạt	
9.	Đỗ Việt Dũng	Nam	23/01/1997	CQL12309	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	72,8	Đạt	
10.	Trần Tiến Dũng	Nam	08/5/1995	CQL12310	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	69,0	Đạt	
11.	Trần Tiến Dũng	Nam	18/5/1998	CQL12311	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	65,2	Đạt	
12.	Phạm Công Dương	Nam	20/10/1997	CQL12312	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	67,2	Đạt	
13.	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08/03/1998	CQL12313	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	71,2	Đạt	
14.	Lê Thu Hiền	Nữ	18/8/1998	CQL12314	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	69,9	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả	Đánh giá	Ghi chú
15.	Đinh Trung Hiếu	Nam	11/9/2000	CQL12315	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	62,0	Đạt	
16.	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	12/9/1988	CQL12316	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	64,4	Đạt	
17.	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	21/11/2000	CQL12317	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	72,8	Đạt	
18.	Đào Xuân Hùng	Nam	02/02/1998	CQL12318	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	69,4	Đạt	
19.	Nguyễn Trung Khánh	Nam	01/9/1995	CQL12319	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	76,2	Đạt	
20.	Nguyễn Kim Nhật Linh	Nam	18/10/1998	CQL12320	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	59,2	Đạt	
21.	Hà Thị Phương Linh	Nữ	08/6/1991	CQL12321	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	78,4	Đạt	
22.	Phùng Minh Đức Linh	Nam	03/12/1998	CQL12322	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	75,0	Đạt	
23.	Phan Duy Long	Nam	31/7/2000	CQL12323	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	57,0	Đạt	
24.	Bùi Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	06/4/1998	CQL12324	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	88,2	Đạt	
25.	Vũ Quang Minh	Nam	23/7/1998	CQL12325	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	58,4	Đạt	
26.	Nguyễn Bá Minh	Nam	15/9/1998	CQL12326	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	72,2	Đạt	
27.	Mai Văn Mùi	Nam	15/7/1991	CQL12327	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	73,6	Đạt	
28.	Nguyễn Tiến Mười	Nam	24/12/1997	CQL12328	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	77,2	Đạt	
29.	Đỗ Thị Kim Ngân	Nữ	27/4/1980	CQL12329	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	73,4	Đạt	
30.	Trần Thế Phú	Nam	13/2/1996	CQL12330	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	58,5	Đạt	
31.	Phan Thế Phúc	Nam	08/01/1992	CQL12331	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	77,4	Đạt	
32.	Phạm Mai Phương	Nữ	23/4/1998	CQL12332	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	77,6	Đạt	
33.	Nông Ngọc Quý	Nam	24/11/1988	CQL12333	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	62,8	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả	Đánh giá	Ghi chú
34.	Vũ Văn Thoán	Nam	19/5/1979	CQL12334	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	69,2	Đạt	
35.	Nguyễn Hoàng Tiến	Nam	20/9/1993	CQL12335	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	73,4	Đạt	
36.	Đình Xuân Tiệp	Nam	18/11/1997	CQL12336	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	57,6	Đạt	
37.	Tổng Đức Tới	Nam	10/6/1997	CQL12337	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	73,6	Đạt	
38.	Nguyễn Thu Trang	Nữ	12/12/1989	CQL12338	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	75,6	Đạt	
39.	Chữ Đức Trung	Nam	29/5/1983	CQL12339	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	61,0	Đạt	
40.	Tạ Quang Trường	Nam	13/4/1989	CQL12340	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	73,4	Đạt	
41.	Phạm Anh Tuấn	Nam	22/11/2000	CQL12341	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	69,4	Đạt	
42.	Dương Văn Tuấn	Nam	27/8/1995	CQL12342	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị &CT	74,6	Đạt	
43.	Trần Quý Đại	Nam	19/10/1999	CHT12301	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	72,6	Đạt	
44.	Trịnh Quang Đạt	Nam	22/1/1994	CHT12302	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	73,2	Đạt	
45.	Phạm Đăng Quang Trí	Nam	10/2/1998	CHT12303	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	74,8	Đạt	
46.	Vũ Minh Tuấn	Nam	01/01/1997	CHT12304	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	72,2	Đạt	

Tổng số 46

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS/TS. Lê Quân